

**KẾT QUẢ ĐIỂM PHÒNG VẤN (VÒNG 2)**  
**KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2020 PHÒNG PHÒNG VẤN SỐ 13 - NHÂN VIÊN Y TẾ**

(Kèm theo Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 tháng 2020 của UBND huyện Quảng Trạch)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (thang điểm 100)	Điểm ưu tiên	Kết quả xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)						
1	273	Đặng Thị Hoài An	25/01/1993	Quảng Châu, Quảng Trạch	Y sĩ	B	B		89.5		89.5	X	
2	274	Võ Thị Thúy An	06/10/1991	Quảng Tùng, Quảng Trạch	Y sĩ	B	B		42.0		42.0		
3	275	Phạm Thị Ngọc Anh	20/10/1994	Quảng Hưng, Quảng Trạch	Trung cấp Y sĩ	UDCNTTCB	B		40.0		40.0		
4	276	Vi Liêm Chính	13/11/1989	Quảng Hợp, Quảng Trạch	Trung cấp Y sĩ đa khoa	B	B	Người DTTS	88.5	05	93.5	X	
5	277	Đặng Thị Chung	20/01/1990	Quảng Châu, Quảng Trạch	Trung cấp Y sĩ đa khoa	B	B		91.5		91.5	X	
6	278	Trần Thị Duyên	10/10/1990	Quảng Thạch, Quảng Trạch	Trung cấp Y sĩ đa khoa	B	B		90.5		90.5	X	
7	279	Trần Thị Mỹ Hạnh	22/08/1994	Liên Trường, Quảng Trạch	Trung cấp Y sĩ đa khoa	UDCNTTCB	B,A2		90.5		90.5	X	
8	280	Lê Thị Hằng	24/05/1991	Quảng Phú, Quảng Trạch	Trung cấp Y sĩ	B	B		91.0		91.0	X	
9	281	Phan Thị Thu Hằng	28/01/1992	Quảng Phương, Quảng Trạch	Trung cấp Y sĩ	B	B		50.0		50.0		
10	282	Trần Thị Hoa	23/01/1989	Quảng Đông, Quảng Trạch	Trung cấp Y sĩ	B	B		57.5		57.5		
11	283	Trần Thị Hoa	16/10/1994	Liên Trường, Quảng Trạch	Trung cấp Y sĩ đa khoa	B	B		92.0		92.0	X	
12	284	Trần Thị Hồng	18/04/1991	Quảng Phương, Quảng Trạch	Y sĩ	B	B		80.5		80.5		
13	285	Trần Thị Hoài Hương	05/03/1990	Quảng Kim, Quảng Trạch	Trung cấp Y sĩ đa khoa	B	B		90.0		90.0	X	
14	286	Trần Thị Thu Hường	18/03/1991	Liên Trường, Quảng Trạch	Trung cấp Y sĩ đa khoa	B	B		91.0		91.0	X	
15	287	Lê Thị Lành	27/10/1990	Quảng Thọ, Ba Đồn	Trung cấp Y sĩ	B	B				0.0		Không tham gia PV

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (thang điểm 100)	Điểm ưu tiên	Kết quả xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)						
16	288	Lê Thị Hoàng Lý	12/07/1991	Quảng Phú, Quảng Trạch	Y sĩ	B	B				0.0		Không tham gia PV
17	289	Phan Thị Lý	03/01/1992	Quảng Kim, Quảng Trạch	Y sĩ	UDCNTTCB	B		28.5		28.5		
18	290	Trần Thị Thanh Nga	15/8/1991	Liên Trường, Quảng Trạch	Y sĩ	B	B	Con TB	90.0	05	95.0	X	
19	291	Nguyễn Thị Thu Nga	05/03/1988	Hung Trạch, Bố Trạch	Y sĩ	B	B				0.0		Không tham gia PV
20	292	Trần Thị Kim Ngân	02/10/1989	Liên Trường, Quảng Trạch	Y sĩ	B	B		91.0		91.0	X	
21	293	Lưu Thị Thảo Ngọc	20/05/1992	Hạ Trạch, Bố Trạch	Trung cấp Y sĩ đa khoa	B	B				0.0		Không tham gia PV
22	294	Võ Thị Cẩm Nhung	23/2/1991	Quảng Xuân, Quảng Trạch	Trung cấp Y sĩ	B	B		86.0		86.0	X	
23	295	Hoàng Thị Phương Như	10/08/1991	Liên Trường, Quảng Trạch	Trung cấp Y sĩ	B	B		45.0		45.0		
24	296	Nguyễn Thị Oanh	10/12/1992	Liên Trường, Quảng Trạch	Y sĩ	B	B		93.0		93.0	X	
25	297	Đình Vĩnh Phú	25/08/1994	Quy Đạt, Minh Hóa	Trung cấp Y sĩ đa khoa	B	B		7.5		7.5		
26	298	Đỗ Bá Thịnh	20/11/1988	Văn Hóa, Tuyên Hóa	Trung cấp Y sĩ đa khoa	B	B				0.0		Không tham gia PV
27	299	Cao Tiến Thương	23/04/1988	Hóa Sơn, Minh Hóa	Trung cấp Y sĩ đa khoa	B	B	Người DTTS	9.0	05	14.0		
28	300	Diệp Tiến Việt	15/04/1988	Quảng Kim, Quảng Trạch	Trung cấp Y sĩ đa khoa	UDCNTTCB	B		88.0		88.0	X	

Danh sách này gồm: 28 thí sinh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đạt

**KẾT QUẢ ĐIỂM PHÒNG VẤN (VÒNG 2)**  
**KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2020 PHÒNG PHÒNG VẤN SỐ 14 - NHÂN VIÊN**  
(Kèm theo Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 tháng 2020 của UBND huyện Quảng Trạch)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Điểm phỏng vấn (thang điểm 100)	Điểm ưu tiên	Kết quả xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)					
1	301	Phạm Thị Mỹ Hạnh	20/08/1979	Quảng Hưng, Quảng Trạch	Đại học Kế toán, có CC Văn thư lưu trữ - Hành chính văn phòng	UDCNTTCB	B	71.0		71.0	X	
2	302	Hoàng Thị Lài	04/05/1989	Quảng Thạch, Quảng Trạch	Cử nhân Kế toán; Sơ cấp hành chính Văn thư - Lưu trữ	UDCNTTCB	C	93.0		93.0	X	
3	303	Dương Thị Ngọc	10/10/1993	Quảng Xuân, Quảng Trạch	CD Kế toán Doanh nghiệp	B	B	45.0		45.0		
4	304	Nguyễn Thị Khánh Chi	04/06/1997	Quảng Thọ, Ba Đồn	Đại học Sư phạm Vật lý, có CC Thiết bị Trường học bậc THCS	B	B	93.0		93.0	X	
5	305	Nguyễn Thị Thúy Hà	20/8/1992	Quảng Phú, Quảng Trạch	Đại học sư phạm Vật lý, có CC thiết bị trường học	B	B	90.0		90.0	X	
6	306	Đình Thị Thương Huyền	29/10/1997	Quảng Thuận, Ba Đồn	Đại học sư phạm Vật lý, có CC thiết bị trường học bậc THCS	B	B	45.0		45.0		
7	307	Võ Thị Thúy Hương	02/06/1988	Quảng Hợp, Quảng Trạch	Cao đẳng Sư phạm Công nghệ, có CC Thiết bị Trường học bậc THCS	B	B	55.0		55.0		
8	308	Hồ Thị Mỹ Khanh	20/08/1993	Quảng Đông, Quảng Trạch	Đại học Sư phạm Vật lý, có CC Thiết bị Trường học bậc THCS	B	B	82.5		82.5		
9	309	Nguyễn Thị Lan	20/01/1983	Quảng Đông, Quảng Trạch	Đại học Công nghệ thông tin, có CC Thiết bị thí nghiệm trường học		B	37.0	05	42.0		

A

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (thang điểm 100)	Điểm ưu tiên	Kết quả xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)						
10	310	Võ Hồng Quân	01/01/1980	Quảng Xuân, Quảng Trạch	Đại học Tin học Quản lý, có CC Thiết bị trường học	Đại học	B	Con TB; Con của 2 nạn nhân bị nhiễm CĐHH Đioxin	70.0	05	75.0		
11	311	Phan Hải Dương	10/06/1986	Quảng Kim, Quảng Trạch	Cử nhân Thư viện - thông tin, có CC thiết bị trường học	B	B	Con BB	96.5	05	101.5	X	
12	312	Trần Thị Huệ	16/02/1984	Liên Trường, Quảng Trạch	Trung cấp Thư viện - Thiết bị	B	B		52.0		52.0	X	
13	313	Nguyễn Thị Kiều	01/09/1988	Cánh Hóa, Quảng Trạch	Cử nhân Tin học; cử nhân CNTT, có CC Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ viên chức làm công tác thiết bị ở Trường THCS	Cao đẳng	B	Con TB	30.0	05	35.0		
14	314	Cao Thị Lệ Quyên	12/04/1990	Quảng Tiến, Quảng Trạch	Cao đẳng Thư viện - Thông tin, có CC thiết bị trường học	B	B		89.5		89.5		
15	315	Nguyễn Thị Thắm	20/10/1988	Quảng Châu, Quảng Trạch	Cử nhân Lịch sử, có CC thư viện thiết bị	B	B		89.5		89.5		
16	316	Nguyễn Thị Thơm	15/7/1988	Quảng Đông, Quảng Trạch	Cao đẳng Thư viện - Thông tin, có CC sơ cấp thiết bị trường học	B	B		90.5		90.5	X	
17	317	Đàm Thị Hương Thủy	09/03/1987	Quảng Châu, Quảng Trạch	Cao đẳng Thư viện - Thông tin	B	B		40.0		40.0		
18	318	Đặng Thị Liên	29/08/1990	Quảng Đông, Quảng Trạch	ĐH Kế toán, Sơ cấp Văn thư - Lưu trữ	B	B		93.5		93.5		
19	319	Nguyễn Thị Thùy Linh	30/04/1995	Quảng Thuận, Ba Đồn	Cử nhân Quản Trị nhân lực, có CC Văn thư lưu trữ - Hành chính văn phòng	ƯDCNTTCB	B		95.0		95.0	X	
20	320	Nguyễn Thị Phương Nhung	04/04/1993	Quảng Thạch, Quảng Trạch	Cử nhân Kế toán, có CC Hành chính-Văn thư-Lưu trữ	B	B		96.0		96.0	X	

h

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Đổi trọng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (thang điểm 100)	Điểm ưu tiên	Kết quả xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)						
21	321	Nguyễn Thảo Trang	05/08/1994	Ba Đồn, Ba Đồn	ĐH Quản trị nhân lực, có CC Công tác văn thư - Lưu trữ	B	B1		96.0		96.0	X	
22	322	Trần Thị Thu Trang	21/02/1995	Liên Trường, Quảng Trạch	Đại học Quản Trị nhân lực, có CC Văn thư Lưu trữ - Hành chính Văn phòng	B	B		93.0		93.0		
23	323	Nguyễn Cu Va	10/05/1988	Quảng Hợp, Quảng Trạch	Đại học Hành chính học, có CC kỹ năng nghiệp vụ Hành chính Văn phòng và Văn thư Lưu trữ	B	B		93.0		93.0		

Danh sách này gồm: 23 thí sinh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đạt